

TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ
*
Số 71-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Quảng Trị, ngày 24 tháng 8 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị
về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững
đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW nhằm từng bước đưa công nghệ sinh học trở thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng, phục vụ hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, vì sự phát triển bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải căn cứ vào thực trạng và những vấn đề đặt ra về phát triển công nghệ sinh học bảo đảm khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế sẵn có của tỉnh; là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, địa phương; được tập trung chỉ đạo thống nhất, quyết liệt, hiệu quả.

- Tạo môi trường thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp sinh học. Huy động tối đa các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, kết hợp nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển chương trình, dự án, công trình khoa học để giải quyết các vấn đề bức xúc cần ứng dụng công nghệ sinh học của các ngành, lĩnh vực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển công nghệ sinh học trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, thông minh, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Phấn đấu phát triển một số sản phẩm công nghệ sinh học có thể mạnh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; bảo quản, chế biến nông sản; công nghệ sau thu hoạch; bảo vệ môi trường; dược liệu và y học. Ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học vào các ngành, các lĩnh vực, góp phần tích cực cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh; tạo sự chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ sinh học vào đời sống của nhân dân, tăng dần tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ, trong đó có công nghệ sinh học vào GRDP của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống của người dân và doanh nghiệp. Nhất là chính sách thu hút các doanh nghiệp khoa học và công nghệ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống phát triển công nghệ sinh học và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trên một số lĩnh vực quan trọng và lợi thế của tỉnh. Ưu tiên nhóm sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi; công nghệ nuôi cấy mô tế bào; chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ; công nghệ tế bào chẩn đoán bệnh, vắc xin phòng bệnh...

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học có chất lượng; đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất; đẩy mạnh hợp tác, liên doanh, liên kết và tiếp cận, ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại tạo các sản phẩm mới, chất lượng cao phục vụ thiết thực sản xuất và đời sống.

- Đưa công nghệ sinh học tỉnh đạt trình độ tiên tiến trong khu vực các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ trên một số lĩnh vực quan trọng, phấn đấu là tỉnh phát triển về sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh

học, được ứng dụng rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững.

- Phát triển trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đủ năng lực nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất một số loại sản phẩm và triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao về lĩnh vực công nghệ sinh học; là đầu mối trong công tác đào tạo, tập huấn, tư vấn, chuyển giao các quy trình công nghệ sinh học tiên tiến; là cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học có chất lượng.

2.2. *Tầm nhìn đến năm 2045*

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng nhanh các thành tựu công nghệ sinh học tiên tiến trong nước, khu vực và thế giới phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Làm chủ được một số công nghệ sinh học thế hệ mới, tạo ra một số sản phẩm có chất lượng được áp dụng vào thực tiễn sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Quảng Trị là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển trong khu vực miền Trung và cả nước; sản xuất, kinh doanh phần lớn sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu; hình thành, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học. Công nghệ sinh học đóng góp tích cực vào GRDP của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thông nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn xã hội về về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Chú trọng giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học và các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách pháp luật liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế chính sách tạo khung pháp lý thuận lợi theo cơ chế thị trường để khuyến khích phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học.

- Có cơ chế để kết nối, khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp; quan tâm triển khai, ứng dụng các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy mối liên kết giữa nhà khoa học, nhà nông, nhà doanh nghiệp và Nhà nước.

- Xây dựng chính sách phù hợp để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao; khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học; đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học thúc đẩy phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

3.1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trồng, vật nuôi đặc trưng của tỉnh Quảng Trị

- Điều tra đánh giá hiện trạng các nguồn gen động thực vật quý hiếm trên địa bàn đối với các loại giống cây trồng, vật nuôi, động thực vật, cây dược liệu,... phục vụ cho nghiên cứu, phát triển, khai thác và bảo tồn nguồn gen trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển bền vững các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, nhất là các loài quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu xây dựng, phát triển các khu vực chuyên canh các loài cây, con mang tính đặc thù hoặc quan trọng phục vụ kinh tế - xã hội, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

3.2. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng đến nền nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn

- Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phù hợp với các điều kiện tự nhiên, thời tiết, thổ nhưỡng của tỉnh. Chú trọng nghiên cứu, hoàn thiện và làm chủ công nghệ nuôi cây mô tế bào thực vật, công nghệ nuôi cây truyền phôi động vật để nhân giống, sản xuất một số loại cây, con chủ lực có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

- Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống thủy sản có chất lượng cao, kháng bệnh tốt phục vụ nhu cầu phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, sản xuất các chế phẩm vi sinh vật ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, tạo cơ sở hình thành nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, chế phẩm sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng; chất kích thích sinh trưởng có nguồn gốc từ thực vật, xử lý phụ phẩm nông nghiệp và ô nhiễm môi trường nhằm nâng cao giá trị nông sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe con người, vật nuôi.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ enzyme vào sản xuất nông nghiệp để sản xuất thức ăn cho động vật nhằm tăng giá trị dinh dưỡng của thức ăn thô, nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng của vật nuôi, đặc biệt một số loại enzyme thủy phân như: amylase, proteinase, cellulase, hemicellulase,...

- Ứng dụng công nghệ sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh cây trồng, vật nuôi bằng kỹ thuật PCR (*Polymerase Chain Reaction*), Realtime-PCR.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, các nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm đảm bảo an toàn sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.3. Ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ bảo quản sau thu hoạch, chế biến sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm dược liệu

- Ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản sau thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp. Chú trọng nghiên cứu, ứng dụng, hoàn thiện và làm chủ một số công nghệ sấy tiên tiến để tăng thời gian bảo quản, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến, tập trung ứng dụng công nghệ, thiết bị lên men vi sinh để sản xuất, chế biến thực phẩm; ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất các chế phẩm vi sinh phục vụ công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; ứng dụng công nghệ sinh học xử lý phụ phẩm trong nông nghiệp để tái sử dụng.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và chế biến các sản phẩm được liệu có tính chất đặc thù của địa phương, các sản phẩm nấm ăn và nấm được liệu có giá trị kinh tế cao; ứng dụng công nghệ sinh học trong việc nhân nuôi sinh khối nấm được liệu nhằm đa dạng hóa các sản phẩm cũng như nâng cao chất lượng và giá trị loại nông sản này.

- Hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh gồm: giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; chế phẩm xử lý môi trường, ao nuôi thủy sản, chuồng nuôi; chế phẩm bổ sung thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản, chế biến nông sản; vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi, thuốc thú y sinh học.

4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực và hiệu quả phòng ngừa, xử lý ô nhiễm, giảm thiểu suy thoái; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường nhằm chủ động thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các chất thải gây ô nhiễm, ưu tiên đối với xử lý chất thải sinh hoạt, y tế, công nghiệp, nông nghiệp. Phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường; chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý đất, nước bị ô nhiễm; cải tạo những vùng đất, thủy vực bị thoái hóa, suy giảm chất lượng.

- Đẩy mạnh công tác bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng lưu giữ, bảo tồn các nguồn gen quý của địa phương, các giống loài bản địa có giá trị. Nghiên cứu phát triển yếu tố bản địa đối với các giống, loài mới trong thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Ứng dụng công nghệ sinh học trong y dược và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

- Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng các quy trình, công nghệ hiện đại về công nghệ sinh học trong công tác y tế dự phòng, chẩn đoán và điều trị bệnh đáp ứng tốt hơn nhu cầu phòng, khám, chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển một số sinh phẩm, thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe có nguồn gốc sinh học phù hợp với tính đặc thù và nguồn nguyên liệu dược liệu sẵn có ở địa phương.

- Nghiên cứu, phát triển, chế biến sâu một số loại dược liệu ở địa phương nhằm thu nhận các hợp chất có hoạt tính sinh học cao phục vụ nhu cầu bảo vệ sức khỏe của cộng đồng.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học

- Đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ cao, làm chủ một số công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao đội ngũ cán bộ đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ sinh học cùng với đào tạo đội ngũ kỹ thuật chuyên ngành có trình độ cao để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất.

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ thuật viên về công nghệ sinh học, kết hợp bồi dưỡng tập huấn chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học cho các tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao.

7. Đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị về công nghệ sinh học

- Đầu tư hoàn thiện và đồng bộ hóa các trang thiết bị hiện có của các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận và thực hiện chuyển giao các quy trình công nghệ sinh học tiên tiến đáp ứng yêu cầu sản xuất tại đơn vị, địa phương. Quan tâm đến công nghệ số, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới,

- Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát huy vai trò đầu mối trong công tác đào tạo,

tập huấn, tư vấn, chuyển giao các quy trình công nghệ sinh học tiên tiến cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; là cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; thiết thực hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất.

- Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về công nghệ sinh học phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

8. Đẩy mạnh hợp tác về công nghệ sinh học

- Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường đại học, các địa phương trong nước và quốc tế về công nghệ sinh học. Ký kết hợp tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học với các đơn vị mà tỉnh Quảng Trị có lợi thế phát triển. Có cơ chế chính sách chuyển giao, đào tạo, trao đổi về lĩnh vực công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các nước có nền công nghệ sinh học phát triển để nhận chuyển giao các công nghệ, quy trình sản xuất hiện đại; chú trọng công tác đưa cán bộ sang học tập, đào tạo về công nghệ sinh học, trao đổi, chuyển giao công nghệ mới và hợp tác nghiên cứu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội: Tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình này; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Xây dựng kế hoạch triển khai; rà soát các đề án, dự án cụ thể trên các lĩnh vực, chọn những vấn đề then chốt, cấp bách để tập trung chỉ đạo thực hiện. Phân công lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách; ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Định kỳ sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các điển hình thực hiện tốt nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp mà Nghị quyết đã đề ra.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các Sở, ban, ngành,
- Các thành ủy, thị ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Lê Quang Tùng

